

GIẢI THÍCH PHẨM BẢY MƯƠI HAI: HẠNH BỒ-TÁT

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế Tôn nói hạnh Bồ-tát, thế nào là hạnh Bồ-tát?

Phật dạy: Hạnh Bồ-tát là hạnh Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là hành hạnh Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Bồ-tát?

Phật dạy: Nếu Bồ-tát hành sắc không và hành thọ, tưởng, hành, thức không; hành nhãn không cho đến ý; hành sắc không cho đến pháp; hành nhãn giới không cho đến ý thức giới; hành Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật; hành nội không, ngoại không, nội ngoại không cho đến vô pháp hữu pháp không; hành Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền; hành từ, bi, hỷ, xả; hành Vô biên hư không xứ, Vô biên thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi-hữu-tướng Phi-vô-tướng xứ; hành bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám phần Thánh đạo; hành tam-muội Không, tam-muội Vô tướng, tam-muội Vô tác; hành tám bội xả, định chín thứ lớp, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, mười tám pháp không chung, đại từ, đại bi, nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, các vô ngại biện tài, hành văn tự vào vô văn tự, hành các môn Đà-la-ni, hành tính hữu vi, tính vô vi; giống như Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không thấy hai pháp. Như vậy, Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật gọi là hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; ấy là hạnh Bồ-tát.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế Tôn nói Phật, Phật có nghĩa là gì?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Biết nghĩa thật của các pháp nên gọi là Phật. Lại nữa, chứng được thật tướng các pháp, nên gọi là Phật; thông suốt nghĩa thật của các pháp, nên gọi là Phật. Lại nữa, như thật biết hết thấy pháp, nên gọi là Phật.

Tu-bồ-đề thưa: Bồ-đề nghĩa là gì?

Phật dạy: Nghĩa Không là nghĩa Bồ-đề; nghĩa Như, nghĩa pháp tính, nghĩa thật tế là nghĩa Bồ-đề. Lại nữa, danh tướng ngôn thuyết là nghĩa Bồ-đề. Thật nghĩa Bồ-đề không thể hoại, không thể phân biệt là nghĩa Bồ-đề. Lại nữa, thật tướng các pháp không đối, không khác là nghĩa Bồ-đề. Vì vậy nên gọi là Bồ-đề. Lại nữa, Bồ-đề ấy, chư Phật có được, gọi là Bồ-đề. Lại nữa, trí biết chân chánh cùng khắp của chư Phật, gọi là Bồ-đề.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát vì Bồ-đề ấy mà hành sáu Ba-la-mật cho đến hành trí Nhất thiết chủng, thì đối với các pháp có gì được, gì mất, gì thêm, gì bớt, gì sinh, gì diệt, gì cấu, gì tịnh?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát hành sáu Ba-la-mật cho đến hành trí Nhất thiết chủng, thì đối với các pháp đều không được, không mất, không thêm, không bớt, không cấu, không tịnh. Vì sao? Vì Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật không vì sự được mất, thêm, bớt, sinh, diệt, cấu, tịnh.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, không vì sự được, mất, cho đến không vì cấu, tịnh, thì làm thế nào Bồ-tát hành Bát-nhã, có thể nhiếp thủ được Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, làm sao hành nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, làm sao hành thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo, làm sao hành Không, Vô tướng, Vô tác giải thoát môn, làm sao hành mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi, làm sao hành mười địa của Bồ-tát, làm sao vượt quá Thanh-văn, Bích-chi Phật mà vào Bồ-tát vị?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, không do hai pháp hành Thí Ba-la-mật, cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, không do hai pháp hành nội không, cho đến trí Nhất thiết chủng.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát không do hai pháp hành Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, không do hai pháp hành nội không cho đến trí Nhất thiết chủng, vậy thì Bồ-tát từ khi mới phát tâm cho đến tâm sau cùng, làm sao tăng trưởng căn thiện?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu hành hai pháp thì căn thiện không được tăng trưởng. Vì sao? Vì hết thảy phàm phu đều nương vào hai pháp, nên không được tăng trưởng căn thiện. Bồ-tát hành pháp không hai, nên từ khi mới phát tâm cho đến tâm sau cùng, ở khoảng trung gian ấy được tăng trưởng căn thiện. Vì thế nên đối với Bồ-tát, hết thảy thế gian trời, người, A-tu-la không thể chiết phục, không thể phá hoại thiện căn ấy, làm cho đọa vào địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật và các pháp ác không thiện không thể chế ngăn Bồ-tát, làm cho không thể hành Thí Ba-la-mật, tăng trưởng căn thiện; cho đến hành Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy. Nay Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên hành Bát-nhã Ba-la-mật như vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát vì căn thiện nên hành Bát-nhã Ba-la-mật chẳng?

Phật đáp: Không. Bồ-tát cũng không vì căn thiện nên hành Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì theo pháp của Bồ-tát nếu chưa cúng dường chư Phật, chưa đầy đủ căn thiện, chưa được chân tri thức thì không thể được trí Nhất thiết chủng.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát từ khi mới phát tâm, cúng dường chư Phật, mười hai bộ loại kinh của Phật là kế kinh cho đến luận nghị, Bồ-tát nghe rồi thọ trì, đọc tụng thông lợi, tâm quán sát thấu suốt. Thấu suốt rồi nên được Đà-la-ni, được Đà-la-ni nên có thể khởi lên trí vô ngại, khởi lên trí vô ngại nên từ chỗ sinh ra cho đến Nhất thiết trí trọn không quên mất; cũng đối với chỗ chư Phật gieo trồng căn lành, được căn lành thủ hộ, trọn không đọa vào ác đạo và các nạn. Do nhân duyên căn thiện nên được thân tâm thanh tịnh, được thân tâm thanh tịnh nên có thể nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh. Được thiện căn thủ hộ nên thường không rời chân tri thức, là không rời chư Phật, các Bồ-tát, các Thanh-văn và những người tán thán Phật, Pháp, Tăng. Như vậy, Bồ-tát nên cúng dường chư Phật, gieo trồng căn lành, thân cận thiện tri thức.

LUẬN: Trong phẩm trên, Tu-bồ-đề hỏi Phật: Kinh thường nói Bát-nhã Ba-la-mật, sao gọi là Bát-nhã Ba-la-mật? Phật dùng mỗi mỗi nhân duyên đáp. Nhân việc ấy nên trong phẩm này lại hỏi Phật: Kinh thường nói Bồ-tát tu hành, vậy thế nào là hạnh Bồ-tát? Thế nên Tu-bồ-đề hỏi Bồ-tát hạnh.

Hỏi: Nếu trong Bát-nhã thu nhiếp hết thủy pháp, lại Bát-nhã tức là hạnh Bồ-tát, cơ sao còn hỏi?

Đáp: Hết thủy đạo Bồ-tát gọi là hạnh Bồ-tát. Trí tuệ biết khắp thật tướng các pháp gọi là Bát-nhã Ba-la-mật, ấy là chỗ sai khác. Nếu kinh Bát-nhã và hạnh Bồ-tát nhiếp vào nhau thì không khác.

Lại nữa, có người nói: Hạnh Bồ-tát là nghiệp thân, nghiệp khẩu, nghiệp ý của Bồ-tát, các việc của Bồ-tát làm gọi là hạnh Bồ-tát. Vì việc ấy nên Tu-bồ-đề chỉ muốn phân biệt chánh hạnh của Bồ-tát, nên hỏi. Vì vậy Phật đáp: Hạnh Bồ-tát là làm các hạnh lành, vì cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; ấy là chánh hạnh của Bồ-tát. Nếu Bồ-tát làm việc bất thiện, vô kí và làm việc thiện mà tâm chấp trước thì chẳng phải là Bồ-tát hạnh; chỉ đem tâm từ bi và trí tuệ về không tính, vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà làm, ấy gọi là hạnh Bồ-tát. Thế nào là hạnh thanh tịnh? Nghĩa là hành sắc không và hành thọ, tưởng, hành, thức không, cho đến hành tính hữu vi, tính vô vi không. Đối với các pháp ấy không phân biệt là không, là thật, là hữu vi, là vô vi. Cũng như Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, diệt hết hí luận không có hai tướng, ấy

gọi là hạnh BỒ-tát; không ai có thể phá hoại, cũng không có lỗi lầm. Tu-bồ-đề nghe hạnh BỒ-tát rồi, hoan hỷ hỏi: Quả báo của hạnh BỒ-tát là được làm Phật. Kinh thường nói Phật, vậy Phật có nghĩa là gì?

Phật đáp: Biết thật nghĩa của các pháp nên gọi là Phật. Hỏi: Nếu như vậy, A-la-hán, Bích-chi Phật và đại BỒ-tát cũng biết thật nghĩa các pháp, cơ sao không gọi là Phật? Phật đáp: Trên đã nói ví dụ Phật đốt đèn, đối với phàm phu là thật, đối với Phật không thật. Vì phàm phu bị phiền não, tập khí che lấp nên không cho là thật, không thể được trí Nhất thiết chủng, không dứt hết nghi hối đối với hết thủy pháp, nên không gọi là chánh trí thật nghĩa, như trên đã phân biệt.

Hỏi: Biết thật nghĩa các pháp, được thật tướng các pháp, thông suốt thật nghĩa và như thật biết hết thủy pháp, bốn việc ấy có gì khác nhau?

Đáp: Có người nói: Nghĩa không khác nhưng danh tự có khác. Có người nói: Nghĩa là thật tướng các pháp chẳng sinh chẳng diệt, pháp tướng thường trú như Niết-bàn; vì hiểu được nghĩa ấy nên gọi là Phật; đối với nghĩa ấy, thường giác ngộ không sai lầm, dùng các danh tướng nói cho chúng sinh hiểu thật nghĩa đệ nhất. Thế nên, trong bốn vô ngại nói riêng nghĩa vô ngại và pháp vô ngại, nên có sai khác. Có người tuy đạt được thật nghĩa các pháp mà không thể thông suốt, vì hai nhân duyên: Một là phiền não chưa hết. Hai là chưa được Nhất thiết trí. Như Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm chưa dứt phiền não nên không thể thông suốt. A-la-hán, Bích-chi Phật, đại BỒ-tát đã dứt hết phiền não, vì chưa được trí Nhất thiết chủng nên không thể thông suốt. Thế nên nói thông suốt thật nghĩa gọi là Phật. Câu “như thật biết hết thủy pháp” là tóm hết ba điều trên, cũng nghĩa cũng pháp và hết thủy pháp hoặc có, hoặc không, mỗi mỗi hiểu rõ như đã nói trong nghĩa trí Nhất thiết chủng; cũng biết tướng tịch diệt, cũng biết tướng hữu vi.

Lại nữa, BỒ-tát là trí, Phật là người trí, vì được trí ấy nên gọi là người trí.

Tu-bồ-đề hỏi: Bạch đức Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-đề?

Phật đáp: Không, như như, pháp tính, thật tế gọi là Bồ-đề. Trí tuệ thật tướng tương ứng với tam-muội Không; duyên như, pháp tính, thật tế, nên Bồ-đề gọi là trí tuệ thật tướng. Hạng người còn ở trong ba học đạo (Kiến đạo, tu đạo và vô học đạo. ND), chưa dứt phiền não, tuy có trí tuệ mà không gọi là Bồ-đề. Ba hạng người vô học dứt hết vô minh không còn cho nên trí tuệ gọi là Bồ-đề. Hai hạng người vô học, không được Nhất thiết trí chân chánh biết khắp các pháp, nên không được gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, duy chỉ trí tuệ Phật mới gọi là Vô

thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, danh tướng, ngôn ngữ, văn tự gọi là Bồ-đề. Thật nghĩa Bồ-đề thì không thể phân biệt, phá hoại.

Lại nữa, Bồ-đề là Như không sai khác, thường không hư dối. Vì sao? Vì trí tuệ của chúng sinh triển chuyển cao hơn cho đến Phật, không ai hơn nữa; các pháp cũng triển chuyển cao hơn, trước là hư vọng, sau là chân thật, cho đến không còn pháp nào thật hơn Bồ-đề; thế nên Bồ-đề gọi là thật.

Lại nữa, Như vì được Bồ-đề nên gọi là Phật, nay vì Phật đạt được nên gọi là Bồ-đề.

Lại có người nói: Tận trí biết sự sinh đã tận, ấy gọi là Bồ-đề. Có người nói: Tận trí, vô sinh trí gọi là Bồ-đề. Có người nói: Vô ngại giải thoát gọi là Bồ-đề. Vì sao? Vì được giải thoát ấy là đối với hết thảy pháp đều thông suốt. Có người nói: Bốn trí vô ngại là Bồ-đề. Vì sao? Vì Phật biết thật tướng các pháp, ấy là nghĩa vô ngại; biết phân biệt danh tướng của các pháp, ấy là pháp vô ngại; phân biệt mỗi mỗi ngữ ngôn, khiến chúng sinh được hiểu, ấy là từ vô ngại; thuyết pháp giáo hóa không cùng tận, ấy là lạc thuyết vô ngại. Vì bốn vô ngại đầy đủ, lợi ích chúng sinh nên gọi là Bồ-đề. Có người nói: Mười lực của Phật, bốn điều không sợ, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi, trí Nhất thiết chủng, vô lượng pháp Phật như vậy đều gọi là Bồ-đề. Vì sao? Vì trí tuệ lớn nên các pháp đều gọi là Bồ-đề. Có người nói: Chân Bồ-đề là Phật, Mười trí vô lậu tương ứng với thọ, tướng, hành, thức, nghiệp thân, nghiệp khẩu và tâm không tương ứng các hành đều gọi là Bồ-đề. Cùng duyên cùng sinh, cùng giúp nhau nên đều gọi là Bồ-đề. Lại có người nói: Nghĩa Bồ-đề thì vô lượng vô biên, chỉ có Phật mới có thể biết khắp, người khác biết được phần ít. Thí như các châu báu trong kho tàng của Chuyển Luân Thánh Vương không ai có thể phân biệt biết được giá trị của nó; Thánh vương xuất châu báu cho người, người được mới có thể biết được chính xác. Trong đây Tu-bồ-đề hỏi Phật về tướng Bồ-đề xong, lại hỏi: Nếu tướng Bồ-đề là rốt ráo không, không thể phá hoại, Bồ-tát hành sáu Ba-la-mật, tăng trưởng căn thiện gì?

Phật đáp: Nếu Bồ-tát hành thật tướng Bồ-đề, đối với hết thảy pháp không có tăng trưởng gì, huống gì thiện căn. Vì sao? Vì Bát-nhã không, vì được mất cho đến như sạch mà xuất hiện, bởi vì rốt ráo thanh tịnh. Phật hứa khả ý ấy mà Tu-bồ-đề lại hỏi: Nếu không thêm bớt, làm sao Bồ-tát hành Bát-nhã mà nhiếp thủ các hạnh Bồ-tát khác?

Phật đáp: Bồ-tát khi hành pháp ấy chẳng vì hai pháp nên hành, mà

cùng hành hòa hợp với rốt ráo không; thế nên không nên vấn nạn.

Tu-bồ-đề lại hỏi: Nếu Bồ-tát không hành hai pháp, thì làm sao từ khi mới phát tâm cho đến tâm sau cùng tăng trưởng thiện căn? Phật đáp: Nếu người hành hai pháp tức là điên đảo, không thể tăng trưởng căn thiện. Thí như người nằm mộng, tuy được của lớn, rốt cuộc không có được gì, trong khi thức có được nhiều ít mới thật là được. Phật bảo Tu-bồ-đề: Hết thấy người phạm đều đắm vào hai pháp nên không thể tăng trưởng căn thiện. Bồ-tát hành theo thật tướng các pháp, đó là pháp không hai, nên từ khi mới phát tâm, cho đến khi tâm sau cùng, tăng trưởng thiện căn, không có sai lầm. Vì thế nên đối với Bồ-tát ấy, hết thấy trời, người, A-tu-la không thể phá hoại thiện căn kia, khiến phải đọa vào Nhị thừa; những điều ác khác cũng không thể phá hoại. Những điều ác khác là các phiền não xan, tham, v.v... phá hoại Thí Ba-la-mật...

Lại hỏi: Bồ-tát vì căn thiện nên hành Bát-nhã chăng?

Phật đáp: Không vì thiện, không vì bất thiện mà hành Bát-nhã.

Hỏi: Không vì căn bất thiện mà hành Bát-nhã có thể được, cơ sao lại không vì thiện căn nên hành?

Phật đáp: Vì quý Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên tuy hành các thiện căn, mà vì thành tựu việc chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chứ không vì quý thiện căn. Như trong kinh ví dụ chiếc bè nói: Thiện pháp còn nên bỏ, huống gì pháp bất thiện! Thiện căn là giúp cho Phật đạo, như người không phải vì chiếc bè nên qua sông, mà vì đến bờ kia. Trong đây Phật vì nói nhân duyên: Bồ-tát chưa cúng dường chư Phật, chưa được chân thiện tri thức thì không thể được trí Nhất thiết chủng; thế nên tuy gieo trồng căn thiện nhưng không cho là quý, mà chỉ quý vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề thưa: Làm sao Bồ-tát tuy không vì thiện căn mà có thể cúng dường chư Phật, cho đến được trí Nhất thiết chủng?

Phật đáp: Bồ-tát từ khi mới phát tâm lại đây cúng dường chư Phật như trong kinh nói. Vì cúng dường Phật là lớn, nên chỉ nói Phật, nhưng nên biết đã cúng dường Bích-chi Phật cho đến Bồ-tát trú địa vị Càn tuệ. Người phạm phu vì nghe pháp nên theo Bồ-tát nghe giảng mười hai loại bộ kinh văn, vì không thể thường được có thầy luôn bên mình, nên đều phải thọ trì. Vì hay quên nên đọc tụng làm cho thông lợi. Tâm quán sát là thường buộc tâm vào quyển kinh, thứ lớp nhớ nghĩ, trước do ngôn ngữ, tuyên giảng nghĩa lý, sau được thấu rõ, tức được Đà-la-ni. Đà-la-ni có hai: Một là Đà-la-ni Văn trì, hai là Đà-la-ni thật tướng các pháp. Đọc tụng, tu tập, thường nhớ nghĩ nên được Đà-la-ni Văn trì; thông suốt nghĩa

lý nên được Đà-la-ni thật tướng. Ở trong hai Đà-la-ni ấy có thể sinh trí vô ngăn ngại; vì chúng sinh thuyết pháp nên đầy đủ bốn trí vô ngại.

Tu-bồ-đề hỏi: Nếu Bồ-tát có trí vô ngăn ngại, thì khác gì với Phật? Phật đáp: Vô ngăn ngại có hai: 1. Thật vô ngại; 2. Danh từ vô ngăn ngại. Trong đây, trừ Phật vô ngăn ngại, các người khác theo Bồ-tát được vô ngăn ngại. Do Bồ-tát tụng kinh nên từ chỗ sinh ra cho đến khi được Nhất thiết trí, trọn không quên mất. Vì sao? Vì vào sâu, đọc tụng kinh pháp nên phiền não bị chẻ mỏng, được căn thiện hộ trì nên không đọa vào ác đạo và các nạn. Thí như người mù được người sáng mắt giúp đỡ, trọn không bị sa hầm sủa hố. Nhờ phước căn thiện nên được thâm tâm thanh tịnh. Thâm tâm thanh tịnh là thương yêu hết thảy chúng sinh, tuy đối với kẻ giặc oán cũng không gia ác, nghĩa là không cướp mạng sống. Lại nhờ trí tuệ và phước đức lớn nên phiền não nhỏ ít, không thể che lấp thiện tâm của Bồ-tát. Lại, tâm sâu xa là đối với chúng sinh có được tâm từ bi, tâm không xả bỏ, tâm cứu độ và tâm đối với các pháp biết được vô thường, khổ, không, vô ngã, rốt ráo không, cho đến đối với Phật không sinh tưởng Phật, tưởng Niết-bàn; ấy gọi là thâm tâm thanh tịnh. Vì thanh tịnh thâm tâm nên có thể giáo hóa chúng sinh. Vì sao? Vì phiền não mỏng nên không khởi tâm cống cao, tâm chấp ngã, tâm sân giận, nên chúng sinh ưa mến, tín thọ lời dạy bảo. Vì giáo hóa chúng sinh nên nghiêm tịnh cõi Phật như trong phẩm Phật quốc của kinh Tỳ-ma-la-cật nói: Vì chúng sinh tịnh nên cõi nước tịnh. Vì được căn thiện hộ trì nên trọn không là thiện tri thức. Thiện tri thức là chư Phật, đại Bồ-tát, A-la-hán. Lược nói tướng thiện tri thức, nghĩa là người có thể tán thán Tam bảo. Như vậy, Bồ-tát nên cúng dường chư Phật, gieo trồng căn lành, gần gũi thiện tri thức. Vì sao? Vì như người bệnh nên tìm thầy thuốc hay và cỏ thuốc. Phật là thầy thuốc hay, các thiện căn là cỏ thuốc, người chăm sóc bệnh là thiện tri thức; người bệnh có đủ ba việc ấy nên bệnh được lành. Bồ-tát cũng như vậy, có đủ ba việc ấy nên dứt các phiền não, làm lợi ích chúng sinh.

-----o0o-----